

Số: /TTr-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo lần 2**TỜ TRÌNH****VỀ VIỆC BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN
THĂNG QUÂN HÀM CẤP TƯỚNG VƯỢT BẬC VÀ TRƯỚC THỜI HẠN**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2024.

Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm cấp tướng vượt bậc và trước thời hạn, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (Văn bản số 10809-CV/VPTW ngày 06/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng), trong đó Bộ Chính trị đồng ý: Chủ trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV theo quy trình một kỳ họp và theo trình tự, thủ tục rút gọn. Quá trình sửa đổi, bổ sung Luật phải quán triệt Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị nhằm xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, có chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Thực hiện Quy định số 1757-QĐ/BCSĐCP ngày 05/01/2021 của Ban cán sự Đảng Chính phủ quy định về việc thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn, trong đó quy định về nguyên tắc, tiêu chí, tiêu chuẩn và thời gian xét thăng quân hàm sĩ quan cấp tướng trước thời hạn.

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số /2024/QH15, trong đó khoản 4 và khoản 5 Điều 1 giao: Chính phủ quy định tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp tướng vượt bậc và trước thời hạn.

2. Cơ sở thực tiễn

- Tại khoản 4 Điều 17 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014 và năm 2024 quy định: “Sĩ quan tại ngũ lập thành tích đặc biệt xuất sắc thì được xét thăng quân hàm vượt bậc, nhưng không vượt quá cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh sĩ quan đang đảm nhiệm”. Tuy nhiên, Luật chưa giao cho cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết về tiêu chí, tiêu chuẩn xét thăng quân hàm cấp tướng vượt bậc nên quá trình triển khai thực hiện không có căn cứ pháp lý để xét thăng quân hàm vượt bậc đối với sĩ quan.

- Tại Điều 18, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2008, năm 2014 và năm 2024 đã quy định về thăng quân hàm sĩ quan trước thời hạn. Tuy nhiên, Luật cũng chưa giao các cơ quan có thẩm quyền quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn nên chưa có căn cứ pháp lý để xét đề nghị thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn. Từ vướng mắc nêu trên, ngày 05/01/2021, Ban cán sự đảng Chính phủ ban hành Quy định số 1757-QĐ/BCSĐCP quy định tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn để thống nhất thực hiện.

Từ thực tiễn trên, để bảo đảm hành lang pháp lý đầy đủ, thống nhất và đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời động viên kịp thời đối với sĩ quan QĐND Việt Nam có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu và công tác, việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm cấp tướng vượt bậc và trước thời hạn là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Nhằm quy định chi tiết về tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm cấp tướng vượt bậc và trước thời hạn được Luật giao.

- Tạo cơ sở pháp lý, tính đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và trong quá trình tổ chức thực hiện Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Quan điểm

- Bảo đảm tuân thủ quy định của Hiến pháp năm 2013; kế thừa, đồng bộ, thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung một số điều năm 2008, năm 2014, năm 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan; góp phần nâng cao chất lượng, vị thế, uy tín của sĩ quan cấp tướng trong Quân đội và bảo đảm việc tổ chức triển khai thực hiện thống nhất, thuận lợi.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Quá trình xây dựng Nghị định quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân

hàm cấp tướng vượt bậc và trước thời hạn, Bộ Quốc phòng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1. Từ ngày 11/7/2024 đến ngày 15/9/2024: xây dựng dự thảo Nghị định, xin ý kiến và tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị Bộ Quốc phòng; hoàn thiện dự thảo Nghị định.

2. Từ ngày /10/2024 đến ngày /10/2024, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản, tiếp thu và giải trình ý kiến tham gia của các bộ, ngành. Ngày /11/2024, hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định (Công văn số ngày /11/2024 của Bộ Quốc phòng).

5. Ngày / /2024, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số /BC-BTP về thẩm định dự thảo Nghị định.

6. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng đã tiến hành tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ xem xét ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định bao gồm 6 điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Tiêu chí, tiêu chuẩn xét thăng cấp bậc quân hàm cấp tướng vượt bậc
- Điều 4. Tiêu chí, tiêu chuẩn xét thăng cấp bậc quân hàm cấp tướng trước thời hạn
- Điều 5. Hiệu lực thi hành
- Điều 6. Trách nhiệm thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Trên cơ sở rà soát các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng, căn cứ vào tính chất đặc thù của Quân đội và dựa trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chuẩn đang thực hiện tại Quy định số 1757-QĐ/BCSĐCP ngày 05/01/2021 của Ban cán sự đảng Chính phủ về việc thăng cấp bậc quân hàm cấp tướng trước thời hạn, dự thảo Nghị định quy định chi tiết về tiêu chí, tiêu chuẩn lập chiến công xuất sắc trong chiến đấu, công tác, nghiên cứu khoa học để xét thăng cấp bậc hàm cấp tướng vượt bậc và trước thời hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật số 72/2014/QH13 và khoản 4 Điều 1 Luật số

.../2024/QH15; khoản 1, khoản 2 Điều 18 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Luật số 19/2008/QH12 và khoản 5 Điều 1 Luật số .../2024/QH15, như sau:

a) Về tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm cấp tướng vượt bậc (Điều 3)

- Sĩ quan có cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn cấp bậc quân hàm cao nhất của chức vụ, chức danh sĩ quan đang đảm nhiệm là cấp tướng từ 02 (hai) bậc trở lên, lập thành tích đặc biệt xuất sắc được tặng thưởng một trong các hình thức sau đây (không tính các hình thức khen thưởng theo niên hạn hoặc quá trình cống hiến), trong thời gian giữ cấp bậc quân hàm hiện tại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được xét thăng quân hàm vượt bậc: (1) Các hình thức huân chương: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Quân công hạng Nhất; Huân chương Lao động hạng Nhất; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất; Huân chương Chiến công hạng Nhất. (2) Danh hiệu vinh dự nhà nước: Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Danh hiệu Anh hùng Lao động. (3) Giải thưởng Hồ Chí Minh.

- Trong thời hạn cán bộ giữ một chức vụ chỉ được xét thăng quân hàm vượt bậc một lần và chỉ vượt một bậc quân hàm.

- Thời điểm được tặng thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, giải thưởng phải trong niên hạn giữ cấp bậc quân hàm hiện tại. Trường hợp trong niên hạn cán bộ đạt nhiều thành tích thì chỉ áp dụng một thành tích để xét thăng quân hàm vượt bậc.

- Các trường hợp chưa quy định tại khoản 1 Điều này do cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

b) Về tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn (Điều 4)

Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam lập chiến công xuất sắc trong chiến đấu, công tác, nghiên cứu khoa học được xem xét thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn khi được tặng thưởng một trong các hình thức huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước (không tính các hình thức khen thưởng theo niên hạn hoặc quá trình cống hiến): (1) Các hình thức huân chương: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; Huân chương Quân công hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; Huân chương Lao động hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; Huân chương Chiến công hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; Huân chương Dũng cảm; (2) Danh hiệu vinh dự nhà nước: Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Danh hiệu Anh hùng Lao động; (3) Giải thưởng Hồ Chí Minh.

- Trong thời hạn giữ một chức vụ chỉ được được xét thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn một lần và thời điểm tặng thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước phải trong niên hạn giữ cấp bậc quân hàm hiện tại.

- Thời gian thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn không quá 12 tháng.

- Các trường hợp chưa quy định tại khoản 1 Điều này do cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

c) Về hiệu lực thi hành:

Điều 5 dự thảo Nghị định quy định ngày có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định quy định tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm cấp tướng vượt bậc và trước thời hạn, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Cán bộ/TCCT;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, NC. TT08.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đại tướng Nguyễn Tân Cương

Dự thảo lần 2**NGHỊ ĐỊNH****Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm cấp tướng vượt bậc và trước thời hạn**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2008, năm 2014 và năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm cấp tướng vượt bậc và trước thời hạn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 17 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật số 72/2014/QH13 và khoản 4 Điều 1 Luật số .../2024/QH15; khoản 1, khoản 2 Điều 18 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Luật số 19/2008/QH12 và khoản 5 Điều 1 Luật số .../2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam giữ chức vụ, chức danh có cấp bậc quân hàm cao nhất là cấp tướng và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiêu chí, tiêu chuẩn xét thăng quân hàm cấp tướng vượt bậc

1. Sĩ quan có cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn cấp bậc quân hàm cao nhất của chức vụ, chức danh sĩ quan đang đảm nhiệm là cấp tướng từ 02 (hai) bậc trở lên, đến thời hạn, các năm trong niên hạn hoàn thành tốt nhiệm vụ, lập thành tích đặc biệt xuất sắc được xét thăng quân hàm vượt bậc khi được tặng thưởng một trong các hình thức khen thưởng (không tính các hình thức khen thưởng theo niên hạn hoặc quá trình cống hiến), sau đây:

a) Các hình thức huân chương: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Quân công hạng Nhất; Huân chương Lao động hạng Nhất; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất; Huân chương Chiến công hạng Nhất;

b) Danh hiệu vinh dự nhà nước: Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Danh hiệu Anh hùng Lao động;

c) Giải thưởng Hồ Chí Minh.

2. Trong thời hạn giữ một chức vụ chỉ được được xét thăng quân hàm vượt bậc một lần và vượt một bậc; thời điểm được tặng thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, giải thưởng phải trong niên hạn giữ cấp bậc quân hàm hiện tại.

3. Trường hợp trong niên hạn sĩ quan đạt nhiều thành tích thì chỉ áp dụng một thành tích cao nhất để xét thăng quân hàm vượt bậc.

4. Các trường hợp chưa quy định tại khoản 1 Điều này do cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 4. Tiêu chí, tiêu chuẩn xét thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn

1. Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam lập chiến công xuất sắc trong chiến đấu, công tác, nghiên cứu khoa học được xét thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn khi được tặng thưởng một trong các hình thức huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước (không tính các hình thức khen thưởng theo niên hạn hoặc quá trình cống hiến), sau đây:

a) Các hình thức huân chương: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Quân công hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Chiến công hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Dũng cảm;

b) Danh hiệu vinh dự nhà nước: Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Danh hiệu Anh hùng Lao động;

c) Giải thưởng Hồ Chí Minh.

2. Trong thời hạn giữ một chức vụ chỉ được được xét thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn một lần và thời điểm tặng thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước và giải thưởng phải trong niên hạn giữ cấp bậc quân hàm hiện tại.

3. Thời gian thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn không quá 12 tháng.

4. Các trường hợp chưa quy định tại khoản 1 Điều này do cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội;
- Các Bộ: Quốc phòng, Tư pháp, Nội vụ, Tài chính;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: NC, KHTH, PL, VPBCS;
- Lưu: VT, NC (102).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Luật số:/2024/QH15

Dự thảo 5**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13 và Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 19/2008/QH12 và Luật số 72/2014/QH13

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 19/2008/QH12 và khoản 1 Điều 1 Luật số 72/2014/QH13 như sau:

“Điều 11. Chức vụ của sĩ quan

1. Chức vụ cơ bản của sĩ quan gồm có:

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;
- Tổng Tham mưu trưởng; Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;
- Thứ trưởng Bộ Quốc phòng;
- Phó Tổng Tham mưu trưởng; Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;
- Chủ nhiệm Tổng cục, Tổng cục trưởng, Chính ủy Tổng cục;

Tur lệnh, Chính ủy: Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Quân đoàn;

e) Phó Chủ nhiệm Tổng cục, Phó Tổng cục trưởng, Phó Chính ủy Tổng cục;

Phó Tur lệnh, Phó Chính ủy: Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Quân đoàn;

g) Tur lệnh, Chính ủy Binh chủng; Tur lệnh, Chính ủy Vùng Hải quân;

h) Phó Tur lệnh, Phó Chính ủy Binh chủng; Phó Tur lệnh, Phó Chính ủy Vùng Hải quân;

i) Sư đoàn trưởng, Chính ủy Sư đoàn; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh), Chính ủy Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh; Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh;

k) Phó Sư đoàn trưởng, Phó Chính ủy Sư đoàn; Phó Chỉ huy trưởng, Phó Chính ủy Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh; Phó Chỉ huy trưởng, Phó Chính ủy Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh;

Lữ đoàn trưởng, Chính ủy Lữ đoàn;

l) Phó Lữ đoàn trưởng, Phó Chính ủy Lữ đoàn;

Trung đoàn trưởng, Chính ủy Trung đoàn; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp huyện), Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;

m) Phó Trung đoàn trưởng, Phó Chính ủy Trung đoàn; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;

n) Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên Tiểu đoàn;

o) Phó Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên phó Tiểu đoàn;

p) Đại đội trưởng, Chính trị viên Đại đội;

q) Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó Đại đội;

r) Trung đội trưởng”.

2. Chức vụ, chức danh tương đương với chức vụ quy định tại các điểm đ, e và điểm g khoản 1 Điều này do Chính phủ quy định; chức vụ, chức danh tương đương với chức vụ quy định từ điểm h đến điểm r khoản 1 Điều này do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 19/2008/QH12 và khoản 2 Điều 1 Luật số 72/2014/QH13 như sau:

“Điều 13. Tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan

1. Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm:

Cấp úy: 50;

Thiếu tá: 52;

Trung tá: 54;

Thượng tá: 56;

Đại tá: 58;

Cấp Tướng: 60.

2. Khi quân đội có nhu cầu, sĩ quan có đủ phẩm chất về chính trị, đạo đức, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, sức khỏe tốt và tự nguyện thì có thể được kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ quy định tại khoản 1 Điều này không quá 05 năm; sĩ quan là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa 2, dược sĩ chuyên khoa 2, tổng công trình sư, nhà khoa học đầu ngành, sĩ quan được đào tạo chuyên sâu, đặc thù hoặc trường hợp đặc biệt có thể kéo dài hơn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý đơn vị quy định từ điểm h đến điểm r khoản 1 Điều 11 của Luật này do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nhưng không vượt quá hạn tuổi cao nhất của sĩ quan quy định tại khoản 1 Điều này”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật số 19/2008/QH12 và khoản 3 Điều 1 Luật số 72/2014/QH13 như sau:

“Điều 15. Cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ của sĩ quan

1. Cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ của sĩ quan được quy định như sau:

a) Đại tướng, số lượng không quá 03, bao gồm:

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Tổng Tham mưu trưởng; Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

b) Thượng tướng, Đô đốc Hải quân, số lượng không quá 14, bao gồm:

Thứ trưởng Bộ Quốc phòng có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thượng tướng, Đô đốc Hải quân không quá 06;

Phó Tổng Tham mưu trưởng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị: Mỗi chức vụ có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thượng tướng không quá 03;

Giám đốc, Chính ủy Học viện Quốc phòng;

c) Các chức vụ, chức danh có cấp bậc quân hàm cao nhất là Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân, Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân; số lượng không quá 398;

d) Các chức vụ, chức danh quy định từ điểm h đến điểm r tại khoản 1 Điều 11 Luật này và các chức vụ, chức danh tương đương có cấp bậc quân hàm cao nhất là cấp tá, cấp úy.

2. Sĩ quan Quân đội nhân dân biệt phái được phê chuẩn giữ chức vụ Ủy viên Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội hoặc được bổ nhiệm chức vụ Tổng cục trưởng hoặc tương đương có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thiếu tướng; sĩ quan Quân đội nhân dân biệt phái được phê chuẩn giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội hoặc được bổ nhiệm chức vụ Thứ trưởng hoặc tương đương có cấp bậc quân hàm cao nhất là Trung tướng; sĩ quan Quân đội nhân dân biệt phái được bầu giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thượng tướng;

3. Sĩ quan Quân đội nhân dân biệt phái có chức vụ cao hơn quy định tại khoản 2 Điều này và trường hợp đặc biệt được phong, thăng quân hàm cấp tướng do cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Chính phủ quy định cụ thể vị trí có cấp bậc quân hàm cao nhất là Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân, Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân và cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tướng của đơn vị thành lập mới, đơn vị được tổ chức lại, bổ sung chức năng, nhiệm vụ nhưng không vượt quá số lượng tối đa vị trí cấp tướng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tá, cấp úy do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 17 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật số 72/2014/QH13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tuổi của sĩ quan tại ngũ xét thăng quân hàm từ cấp bậc Đại tá lên Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân phải còn ít nhất đủ 03 năm công tác, trường hợp không còn đủ 03 năm công tác khi có yêu cầu do Chủ tịch nước quyết định.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Sĩ quan tại ngũ lập thành tích đặc biệt xuất sắc thì được xét thăng quân hàm vượt bậc, nhưng không vượt quá cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh sĩ quan đang đảm nhiệm.

Chính phủ quy định tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Khoản này để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp tướng vượt bậc. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Khoản này để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp tá, cấp úy vượt bậc.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số

16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật số 19/2008/QH12 như sau:

“Điều 18. Thăng quân hàm, nâng lương sĩ quan trước thời hạn

1. Sĩ quan được xét thăng quân hàm trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này trong các trường hợp sau đây:

a) Trong chiến đấu lập chiến công xuất sắc hoặc trong công tác, nghiên cứu khoa học được tặng Huân chương;

b) Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ mà cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn cấp bậc quân hàm cao nhất quy định đối với chức vụ mà sĩ quan đang đảm nhiệm từ hai bậc trở lên hoặc cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ chỉ huy, quản lý.

2. Sĩ quan được xét nâng lương trước thời hạn nếu trong chiến đấu lập chiến công xuất sắc hoặc trong công tác, nghiên cứu khoa học được khen thưởng.

3. Chính phủ quy định tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp tướng trước thời hạn. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp tá, cấp úy và nâng lương sĩ quan trước thời hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

6. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 32 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 như sau:

“3. Sĩ quan do yêu cầu nhiệm vụ mà không được bố trí nghỉ hằng năm thì ngoài tiền lương còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền lương cho những ngày không nghỉ”.

7. Sửa đổi Điều 33 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 như sau:

“Điều 33. Chăm sóc sức khỏe đối với sĩ quan và thân nhân sĩ quan tại ngũ

1. Sĩ quan tại ngũ được bảo đảm chăm sóc sức khỏe; khi bị thương, ốm đau, thai sản, tai nạn, rủi ro nghề nghiệp được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế và được hưởng các chế độ chăm sóc sức khỏe khác theo quy định của pháp luật.

2. Cha đẻ, mẹ đẻ, người nuôi dưỡng hợp pháp; cha đẻ, mẹ đẻ, người nuôi dưỡng hợp pháp của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp dưới 18 tuổi; con đẻ, con nuôi hợp pháp từ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học phổ thông của sĩ quan tại ngũ không có chế độ bảo hiểm y tế thì được Cơ quan

Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng cấp thẻ bảo hiểm y tế, được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.”.

8. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 36 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 như sau:

“3. Hết tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất theo quy định tại Điều 13 Luật này nếu đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên thì được nghỉ hưu”.

9. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Luật số 19/2008/QH12 như sau:

“e) Được hưởng chế độ an điều dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi từ trần theo quy định của Chính phủ”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 như sau:

“Điều 38. Tuổi phục vụ của sĩ quan dự bị

1. Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan dự bị quy định như sau:

Cấp Úy:	53;
Thiếu tá:	55;
Trung tá:	57;
Thượng tá:	59;
Đại tá:	61;
Cấp Tướng:	63”.

2. Đối với Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã hạn tuổi phục vụ cao nhất thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 41 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 49 của Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, học viên tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở, căn cứ trình độ đã được đào tạo, kết quả học tập, rèn luyện được phong quân hàm sĩ quan dự bị.”.

b) Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

“6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết các khoản 1, 2 và 5 Điều này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 46 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về sĩ quan; ban hành cơ chế, chính sách đặc biệt về điều kiện, môi trường làm việc, lương thưởng, chăm sóc sức khỏe và các chính sách khác để thu hút, trọng dụng nhân tài đối với Quân đội; quy định chế độ, chính sách ưu đãi đặc thù đối với cán bộ Tình báo và người cộng tác với Lực lượng Tình báo thuộc Bộ Quốc phòng”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về sĩ quan; chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện việc quản lý nhà nước về sĩ quan; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện”.

13. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 47 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 như sau:

“5. Bố trí quỹ đất theo quy định của Luật Nhà ở và bàn giao cho Bộ Quốc phòng làm cơ quan chủ quản, quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn chủ đầu tư để triển khai thực hiện phát triển nhà ở xã hội cho Quân đội phù hợp với nhu cầu của Bộ Quốc phòng”.

14. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều sau đây:

a) Bổ sung cụm từ “Tur lệnh, Chính ủy Bộ Tur lệnh Tác chiến không gian mạng” vào sau cụm từ “Tur lệnh, Chính ủy Cảnh sát biển Việt Nam” tại điểm b khoản 1 Điều 25 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật số 72/2014/QH13;

b) Bổ sung cụm từ “cùng ngành nghề làm việc” vào sau cụm từ “cùng điều kiện làm việc” tại khoản 1 Điều 31 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Luật số 19/2008/QH12 và khoản 7 Điều 1 Luật số 72/2014/QH13;

c) Bổ sung cụm từ “chính sách về đất ở” vào trước cụm từ “phụ cấp nhà ở”

tại khoản 7 Điều 31 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Luật số 72/2014/QH13;

d) Thay thế từ “hộ khẩu” bằng từ “thường trú” tại khoản 1 Điều 37 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 của Luật số 19/2008/QH12;

đ) Thay thế cụm từ “kế hoạch của Chính phủ” bằng cụm từ “quyết định của Thủ tướng Chính phủ” tại Điều 40 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10;

e) Bỏ cụm từ “được miễn thực hiện nghĩa vụ lao động công ích” tại khoản 1 Điều 43 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,
ý kiến của cơ quan thẩm tra đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam**

Kính gửi: Quốc hội.

Thực hiện Nghị quyết số 48/2024/UBTVQH15 ngày 23/7/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (TVQH) về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; ngày 23/9/2024, tại Phiên họp thứ 37 Ủy ban TVQH đã cho ý kiến về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam (sau đây viết gọn là dự án Luật) kèm theo Tờ trình số 403/TTr-CP ngày 04/9/2024 của Chính phủ.

Căn cứ Kết luận số 956/KL-UBTVQH15 ngày 27/9/2024 của Ủy ban TVQH và Báo cáo thẩm tra số 2233/BC-UBQPAN15 ngày 20/9/2024 của Ủy ban Quốc phòng và An ninh (QP&AN) - Cơ quan chủ trì thẩm tra về dự án Luật; Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc tiếp thu, giải trình như sau:

I. VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**1. Về hồ sơ dự án Luật**

a) Ủy ban TVQH và Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị tiếp tục rà soát, bổ sung Báo cáo đánh giá tác động chính sách phù hợp với nội dung Tờ trình và dự thảo Luật; bổ sung đầy đủ dự thảo văn bản quy định chi tiết Luật giao theo Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban TVQH và Cơ quan chủ trì thẩm tra, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung Báo cáo đánh giá tác động chính sách và các dự thảo văn bản quy định chi tiết Luật vào hồ sơ dự án Luật trình Quốc hội.

b) Ủy ban TVQH đề nghị bổ sung nội dung ý kiến của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về vấn đề bình đẳng giới.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban TVQH, Chính phủ chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản xin ý kiến của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cho ý kiến về vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật; ngày 27/9/2024, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã có Công văn số 4206/ĐCT-CSLP nhất trí với quy định tăng tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan và không phân biệt tuổi nghỉ hưu của nam sĩ quan và nữ sĩ quan như dự thảo Luật.

Về ý kiến của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đề nghị nghiên cứu thêm về phân loại tuổi phục vụ theo chức năng, vị trí công tác, yêu cầu công việc và bổ sung quy định cơ chế giám sát đối với việc thực hiện các quy định về bình đẳng giới để đảm bảo việc thực thi chính sách bình đẳng giới trong Quân đội; Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ Quốc phòng tiếp tục nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi toàn diện Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam vào thời điểm thích hợp.

2. Về tính hợp hiến, sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tính khả thi

a) Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị tiếp tục rà soát kỹ lưỡng, đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan, trong đó có những dự án luật đang được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để xác định cụ thể các nội dung chưa phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo để xử lý, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và khả thi; đồng thời cần có sự nghiên cứu về độ tuổi, chế độ chính sách đặc thù để bảo đảm sự phù hợp giữa lực lượng QĐND và Công an nhân dân.

Tiếp thu ý kiến của Cơ quan chủ trì thẩm tra, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo tiến hành rà soát các quy định của pháp luật có liên quan để dự thảo Luật không mâu thuẫn, chồng chéo, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật hiện hành và khả thi; rà soát quy định về độ tuổi như dự thảo Luật để bảo đảm quyền lợi, chế độ, chính sách đối với sĩ quan; phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của Quân đội là “ngành lao động đặc biệt” và tương đối thống nhất với quy định của Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội; cụ thể như sau:

Khoản 1 Điều 31 Luật Sĩ quan QĐND hiện hành quy định “*tính chất, nhiệm vụ của Quân đội là ngành lao động đặc biệt*”; sĩ quan Quân đội phải thường xuyên trực tiếp chỉ huy, quản lý, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu trong điều kiện khó khăn, gian khổ, các đơn vị đóng quân làm nhiệm vụ ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển đảo... nếu tăng tuổi bằng tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường theo Bộ luật Lao động hoặc bằng tuổi nghỉ hưu của sĩ quan Công an nhân dân sẽ không bảo đảm cho sĩ quan, nhất là sĩ quan ở các đơn vị đủ quân, sẵn sàng chiến đấu có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ. Mặt khác, do cơ cấu tổ chức, biên chế của Quân đội, hàng năm vẫn phải tuyển sinh quân sự để đào tạo nguồn sĩ quan thay thế số sĩ quan hết tuổi giữ chức vụ chỉ huy, quản lý và số hết tuổi phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm; đồng thời để trẻ hóa đội ngũ sĩ quan, nếu nâng thêm tuổi sẽ gây ùn tắc, dôi dư trong đội ngũ sĩ quan.

Trong lịch sử lập pháp, Luật Sĩ quan QĐND luôn quy định tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan thấp hơn tuổi của người lao động theo quy định của Bộ luật Lao

động¹, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung lần này nâng hạn tuổi phục vụ tại ngũ đã tiệm cận cao nhất từ trước đến nay so với quy định của Bộ luật Lao động.

Điểm a khoản 2 Điều 154 Luật Bảo hiểm xã hội được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động quy định:

“2. Người lao động quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 2² của Luật này nghỉ việc có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên được hưởng lương hưu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có tuổi thấp hơn tối đa 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động, trừ trường hợp Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân, Luật Cơ yếu, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng có quy định khác;”.

Quy định của dự thảo Luật bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Như vậy, việc sửa đổi nâng hạn tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan đã được Bộ Quốc phòng tính toán kỹ lưỡng trên cơ sở các phương án tăng tuổi (tính toán ưu điểm, hạn chế của nhiều phương án), được sự thống nhất cao của các cơ quan, đơn vị trong toàn quân nhằm vừa giữ gìn đội ngũ sĩ quan, vừa phù hợp với tính chất, nhiệm vụ, cơ cấu, tổ chức của Quân đội, vừa thực hiện chính sách cán bộ; đồng thời, thống nhất với quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội.

b) Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị làm rõ hơn quy định của dự thảo Luật về việc giao Chính phủ quy định cụ thể vị trí có cấp bậc quân hàm cao nhất là Trung tướng, Thiếu tướng và cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tướng của đơn vị thành lập mới, đơn vị được tổ chức lại, bổ sung chức năng, nhiệm vụ để bảo đảm tính khả thi của Luật.

Chính phủ xin báo cáo như sau: Ngày 06/8/2024, Bộ Chính trị đã có ý kiến kết luận về nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam; trong đó nêu rõ: *“Luật sửa đổi, bổ sung không quy định những vấn đề cụ thể về tổ chức bộ máy và quân hàm cấp Trung tướng trở xuống trong lực lượng vũ trang mà giao Chính phủ và Bộ Quốc phòng quy định cụ thể theo thẩm quyền để linh hoạt, phù hợp với tính chất, nhiệm vụ trong bố trí lực lượng”* (Văn bản số

¹ Cụ thể: Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam năm 1958 quy định hạn tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan: Đại úy 38, Thiếu tá 43, Trung tá 48; Thượng tá, Đại tá 50; Thiếu tướng 55. Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam năm 1981 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 1990 quy định: Cấp úy 38, Thiếu tá 43, Trung tá 48, Thượng tá 52, Đại tá 55, Thiếu tướng và Chuẩn đô đốc Hải quân 60 (tăng 05 tuổi so với Luật năm 1958). Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam năm 1999 quy định: Cấp úy 44 (tăng 06 tuổi), Thiếu tá 46 (tăng 03 tuổi), Trung tá 49 (tăng 01 tuổi); giữ nguyên tuổi cấp: Thượng tá 52, Đại tá 55, Cấp Tướng 60. Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam sửa đổi năm 2008 quy định: Cấp Úy: nam 46, nữ 46 (tăng 02 tuổi); Thiếu tá: nam 48, nữ 48 (tăng 02 tuổi); Trung tá: nam 51, nữ 51 (tăng 02 tuổi); Thượng tá: nam 54, nữ 54 (tăng 02 tuổi); Đại tá: nam 57, nữ 55 (nam tăng 02 tuổi, nữ giữ nguyên); Cấp Tướng: nam 60, nữ 55 (nam giữ nguyên, nữ giảm 05 tuổi).

² đ) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;

e) Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân; hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục vụ có thời hạn; học viên quân đội, công an, cơ yếu đang theo học được hưởng sinh hoạt phí.

10809-CV/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng). Do yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội, bảo vệ Tổ quốc nên tổ chức Quân đội thường xuyên có sự điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có đơn vị thành lập mới, có đơn vị giải thể, tổ chức lại... giữ nguyên quy định như dự thảo Luật để bảo đảm linh hoạt, đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với một số đơn vị không thay đổi về tên gọi nhưng có sự điều chỉnh, phát triển về quy mô tổ chức, biên chế và bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với chủ trương của Đảng về tổ chức QĐND Việt Nam trong tình hình mới và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng, pháp luật của Nhà nước³.

c) Cơ quan chủ trì thẩm tra và Bộ Công an (Báo cáo số 2263/BC-BCA ngày 30/9/2024) đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung sửa đổi Điều 25 Luật Công an nhân dân ngay tại Luật này để thống nhất về thẩm quyền của Chính phủ quy định quân hàm cấp Trung tướng, Thiếu tướng trong lực lượng vũ trang nhằm thực hiện ý kiến kết luận của cơ quan có thẩm quyền tại Văn bản số 10809-CV/VPTW.

Chính phủ xin báo cáo như sau: Thực hiện Kết luận của Ủy ban TVQH về dự án Luật (Văn bản số 956/KL-UBTVQH15 ngày 27/9/2024), Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Công an chủ trì nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Công an nhân dân theo Kết luận của Ủy ban TVQH và theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Văn bản số 7279/VPCP-PL ngày 07/10/2024 của Văn phòng Chính phủ).

3. Về bố cục của dự thảo Luật

Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị cần tiếp tục rà soát toàn diện một số bất cập của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam để đề xuất sửa đổi đảm bảo sự đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành, tránh phải sửa đổi nhiều lần.

Chính phủ xin báo cáo như sau: Trước khi lập đề nghị xây dựng dự án Luật, Quân ủy Trung ương đã chỉ đạo tổ chức tổng kết thực hiện Luật ở 04 cấp, từ cấp cơ sở đến cấp Bộ Quốc phòng; qua đó đã đánh giá toàn diện kết quả đạt được, những vướng mắc, bất cập và đề xuất giải pháp thực hiện. Những nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật đã bảo đảm giải quyết những vướng mắc, bất cập trong triển khai thực hiện Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam hiện hành và đã được Chính phủ quyết nghị thông qua tại 02 nghị quyết (Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 06/7/2024 về đề nghị xây dựng dự án Luật; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 01/9/2024 về phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2024).

³ Như: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng (từ Đại hội VIII đến Đại hội XII) về xây dựng QĐND cách mạng, chính quy tinh nhuệ, từng bước hiện đại; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 22/12/2008 của Bộ Chính trị về tổ chức QĐND Việt Nam đến năm 2015; Kết luận số 16-KL/TW ngày 07/7/2017 của Bộ Chính trị về tổ chức QĐND Việt Nam đến năm 2021; Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức QĐND Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về khoản 1 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam - Chức vụ của sĩ quan)

a) Ủy ban TVQH đề nghị báo cáo làm rõ hơn việc quy định cấp phó trong hệ thống chức danh cơ bản của sĩ quan QĐND Việt Nam.

Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau: Thực hiện Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022⁴ và ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị⁵ về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, chỉ huy trong Công an nhân dân và QĐND; Quân ủy Trung ương xây dựng Đề án về Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý trong Quân đội nhân dân Việt Nam (Đề án số 573-ĐA/QUTW ngày 16/10/2023) và được Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương thẩm định nhất trí thông qua (tại Công văn số 2343-CV/BTCTW ngày 09/11/2023); trong đó quy định 17 nhóm chức vụ cơ bản, chia thành 27 bậc, làm cơ sở xây dựng hệ thống danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý trong QĐND Việt Nam, bao gồm đầy đủ các chức danh diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đến các chức danh cấp trung đội và tương đương trong QĐND Việt Nam.

Điều 11 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam hiện hành chỉ quy định có 11 chức vụ cơ bản từ Bộ trưởng xuống đến Trung đội trưởng (không quy định chức vụ cơ bản là cấp phó các cấp nên chưa cụ thể hóa các chức vụ, chức danh) nên không thống nhất với danh mục chức danh, chức vụ theo Đề án số 573-ĐA/QUTW nêu trên, dẫn đến việc thực hiện Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam không phù hợp với thực tiễn cơ cấu, tổ chức biên chế Quân đội.

Cơ cấu tổ chức, biên chế trong Quân đội có tính đặc thù riêng, chức danh, chức vụ gắn với quân hàm, có nhiều thành phần, lực lượng: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ; lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên; lực lượng binh chủng hợp thành, các quân chủng, binh chủng... được tổ chức theo hệ thống từ cấp chiến lược (Bộ Quốc phòng) đến cấp chiến dịch (quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng), đến cấp chiến thuật (sư đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, trung đội); đơn vị làm nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, có đơn vị phục vụ bảo đảm. Trong khi, chỉ có 11 nhóm chức vụ cơ bản, song có 6.277 chức vụ, 12.310 chức danh; một số chức danh, chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý

⁴ Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; tại khoản 3 quy định: "3. Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương xây dựng Đề án danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Quân đội, Công an; đồng bộ, thống nhất với các chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương trong hệ thống chính trị; Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định".

⁵ Tại Công văn số 7512-CV/VPTW ngày 07/8/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Chính trị giao Đảng ủy Công an Trung ương, Quân ủy Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương rà soát, hoàn thiện hệ thống chức danh, chức vụ lãnh đạo, chỉ huy trong từng lực lượng và phê duyệt theo thẩm quyền để triển khai thực hiện, bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với pháp luật, các qui định, kết luận của Bộ Chính trị về chức danh, chức vụ trong hệ thống chính trị.

cấp dưới bằng cấp trên; chưa phân định rõ cấp trên, cấp dưới; phụ cấp chức vụ của một số chức vụ cấp trên bằng cấp dưới nên không thể hiện được trách nhiệm cao hơn của cấp trên; cùng chức vụ tương đương nhưng trần quân hàm khác nhau; một số tổ chức có cùng quy mô, cùng cấp độ, tính chất nhiệm vụ nhưng chức danh, chức vụ tương đương và trần quân hàm không thống nhất (do Luật không quy định cấp phó) nên việc quy định phụ cấp chức vụ cũng gặp nhiều khó khăn.

Chính phủ đề nghị sửa đổi Điều 11 như dự thảo Luật để giải quyết những vướng mắc, bất cập nêu trên.

b) Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị tiếp tục đánh giá kỹ lưỡng, toàn diện để quy định chặt chẽ, bảo đảm giải quyết những vướng mắc, bất cập hiện nay khi Quân đội hiện có 6.277 chức vụ, 12.310 chức danh và tương đương được quy định tại các nghị định của Chính phủ và thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Tiếp thu ý kiến của Cơ quan chủ trì thẩm tra, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan hữu quan tiếp tục rà soát, đánh giá kỹ lưỡng, toàn diện để quy định đầy đủ các chức vụ, chức danh tương đương trong Quân đội tại nghị định của Chính phủ và thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành⁶.

2. Về khoản 2 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 13 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam - Tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan)

a) Ủy ban TVQH và Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị báo cáo làm rõ hơn việc điều chỉnh tăng tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan phù hợp với thực tiễn và lao động đặc thù của Quân đội; làm rõ quy định tuổi sĩ quan nam và nữ bằng nhau.

Chính phủ xin báo cáo như sau:

- Về đề nghị báo cáo làm rõ hơn việc điều chỉnh tăng tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan phù hợp với thực tiễn và lao động đặc thù của Quân đội: Quân đội là ngành lao động đặc biệt (khoản 1 Điều 31 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam hiện hành), tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan gắn liền với cấp bậc quân hàm, phù hợp với hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý đơn vị và được quy định thống nhất. Đội ngũ sĩ quan Quân đội công tác ở nhiều ngành đặc thù khác nhau như phi công, tàu ngầm, đặc công, hóa học... và phải thường xuyên trực tiếp chỉ huy, quản lý, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu trong điều kiện khó khăn, gian khổ, các đơn vị đóng quân làm nhiệm vụ ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển đảo ... Việc điều chỉnh tăng tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan như dự thảo Luật nhằm bảo đảm phù hợp với thực tiễn và lao động đặc thù như trên. Quá trình công tác, căn cứ tính chất, nhiệm vụ, môi trường, điều kiện công tác, hiệu quả công việc, nhiệm vụ được giao, Bộ Quốc

⁶ Hiện nay, chức vụ, chức danh tương đương của sĩ quan QĐND Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2015/NĐ-CP ngày 24/10/2015 của Chính phủ quy định chức vụ, chức danh tương đương của sĩ quan QĐND Việt Nam; Thông tư số 160/2017/TT-BQP ngày 04/7/2017 của Bộ trưởng BQP quy định chức vụ, chức danh tương đương và chức vụ, chức danh có cấp bậc quân hàm cao nhất là cấp tá, cấp úy của sĩ quan QĐND Việt Nam và Thông tư số 127/2021/TT-BQP ngày 01/10/2021 của Bộ trưởng BQP quy định tên gọi, chức danh tương đương, cấp bậc quân hàm cao nhất đối với sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ trong QĐND Việt Nam.

phòng xem xét điều động, luân chuyển, luân phiên giữa các đơn vị hoặc về các cơ quan, nhà trường cho phù hợp với sức khỏe, độ tuổi và nguyện vọng của từng sĩ quan.

- *Về làm rõ quy định tuổi sĩ quan nam và nữ bằng nhau:* Hiện nay, số lượng nữ sĩ quan chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 3% so với tổng số sĩ quan), chủ yếu công tác ở cơ quan, học viện, nhà trường, bệnh viện, viện (trung tâm) nghiên cứu khoa học, đơn vị văn hóa nghệ thuật... (không có nữ sĩ quan chỉ huy đơn vị chiến đấu); hằng năm chỉ tuyển sinh quân sự đào tạo sĩ quan nữ tại các học viện: Quân y, Hậu cần, Kỹ thuật quân sự, Khoa học quân sự, một số ít được tuyển chọn phong quân hàm sĩ quan để bố trí, sắp xếp ở những chuyên ngành Quân đội không đào tạo được hoặc đào tạo được nhưng còn thiếu so với biên chế. Sĩ quan nữ được bố trí ở các vị trí đều phù hợp với sức khỏe, giới tính và được quan tâm, tạo điều kiện để có thời gian chăm sóc gia đình. Theo lộ trình tăng tuổi nghỉ hưu (Điều 4 Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ) thì tuổi nghỉ hưu của lao động nữ năm 2024 là 56 tuổi 04 tháng, sau đó mỗi năm tăng 04 tháng, đến năm 2029 là 58 tuổi, năm 2035 là 60 tuổi. Hiện nay, hạn tuổi phục vụ tại ngũ của nữ sĩ quan cấp Thượng tá trở xuống (chủ yếu là sĩ quan có trình độ chuyên môn cao: Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II..., đào tạo chuyên sâu, đặc thù) theo quy định tại dự thảo Luật vẫn thấp hơn tuổi nghỉ hưu của lao động nữ nên không cần thiết quy định lộ trình tăng tuổi. Ngày 01/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 126/NĐ-CP về phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2024 đồng ý quy định tuổi nghỉ hưu của nam sĩ quan và nữ sĩ quan bằng nhau và Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã nhất trí như quyết nghị của Chính phủ (Công văn số 4206/ĐCT-CSLP ngày 27/9/2024).

b) Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị làm rõ thêm việc thực hiện chế độ, chính sách, bảo hiểm xã hội sau khi tăng hạn tuổi phục vụ cao nhất của sĩ quan.

Chính phủ xin báo cáo như sau: Về thực hiện chế độ, chính sách, bảo hiểm xã hội khi tăng hạn tuổi phục vụ cao nhất của sĩ quan, đã được Chính phủ báo cáo tại Tờ trình số 403/TTr-CP ngày 01/9/2024 (phần cơ sở thực tiễn) và Bộ Quốc phòng đã trình bày cụ thể tại Báo cáo số 2593/BC-BQP ngày 07/7/2024 về đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Luật.

Trên cơ sở ý kiến của Cơ quan chủ trì thẩm tra, Chính phủ bổ sung làm rõ như sau: Sau khi tăng hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất đối với sĩ quan từ 01 - 05 tuổi, sẽ tăng thêm thời gian đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội ở mức đóng cao nhất đối với sĩ quan trước khi nghỉ hưu, làm gia tăng sự tích lũy đối với quỹ bảo hiểm xã hội, tăng thêm sự bảo toàn, tăng trưởng và cân đối quỹ trong dài hạn; thể hiện đầy đủ các nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững; bảo đảm phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội góp phần an sinh xã hội, thúc đẩy tiến bộ và công bằng xã hội để phát triển bền vững đất nước.

c) Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị nghiên cứu hạn tuổi đối với một số vị trí làm công tác nghiên cứu tại các học viện, nhà trường, đơn vị chuyên môn.

Tiếp thu ý kiến của Cơ quan chủ trì thẩm tra, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu để quy định hạn tuổi đối với các đối tượng nêu trên tại văn bản quy định chi tiết khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam).

d) Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị xem xét điều chỉnh tuổi nghỉ hưu của sĩ quan nữ cấp bậc quân hàm Đại tá để phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội; cần tiếp tục rà soát nghiên cứu lộ trình tăng hạn tuổi phục vụ cao nhất đối với lực lượng được đào tạo chuyên sâu, còn sức khỏe làm việc và khả năng cống hiến để đảm bảo tương quan, thống nhất với quy định về tuổi nghỉ hưu của Bộ luật Lao động và Luật Công an nhân dân.

Chính phủ xin báo cáo như sau: Hiện nay, số lượng nữ sĩ quan cấp Đại tá có khoảng 2% so với tổng số sĩ quan cấp Đại tá, chủ yếu có trình độ chuyên môn cao (Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II...) thuộc đối tượng kéo dài 05 năm theo quy định của dự thảo Luật. Việc quy định hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất của nữ sĩ quan cấp Đại tá là 58 cũng để phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của Quân đội là “ngành lao động đặc biệt”. Nếu quy định hạn tuổi phục vụ tại ngũ của nữ sĩ quan cấp Đại tá như quy định tuổi nghỉ hưu của lao động nữ (theo quy định của Bộ luật Lao động) sẽ không phù hợp với quy định về hạn tuổi phục vụ tại ngũ của nam sĩ quan cấp Đại tá tại dự thảo Luật.

đ) Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị cần quy định rõ thời gian kéo dài hơn đối với các đối tượng đặc biệt; bổ sung cụm từ “trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này” vào cuối khoản 3 để bảo đảm loại trừ quy định tại khoản 2 Điều này; việc nâng hạn tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan sẽ ảnh hưởng đến nguồn nhân lực đầu vào tại các cơ quan, đơn vị, do đó, đề nghị đánh giá kỹ hơn tác động của quy định này.

Tiếp thu ý kiến của Cơ quan chủ trì thẩm tra, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu quy định cụ thể tại văn bản quy định chi tiết khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam).

Đối với đề nghị bổ sung cụm từ “trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này” vào cuối khoản 3: Do khoản 3 quy định về hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý đơn vị, trong khi khoản 2 quy định đối với các trường hợp được kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan (hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý đơn vị luôn thấp hơn hạn tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan); việc dùng quy định tại khoản 3 để loại trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 sẽ không phù hợp. Chính phủ đề nghị được giữ như dự thảo Luật.

Về đề nghị đánh giá kỹ hơn tác động của việc nâng hạn tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan sẽ ảnh hưởng đến nguồn nhân lực đầu vào tại các cơ quan, đơn vị: Chính phủ báo cáo như sau: Số lượng sĩ quan tiếp tục phục vụ tại ngũ sau khi Luật

có hiệu lực thi hành, ảnh hưởng của việc nâng hạn tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan đến nguồn nhân lực đầu vào của Quân đội và đánh giá tác động về tài chính, ngân sách nhà nước (tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội) đã được Bộ Quốc phòng đánh giá cụ thể tại Báo cáo số 2593/BC-BQP ngày 07/7/2024 về đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Luật. Nhìn chung, số lượng sĩ quan được nâng hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất theo cấp bậc quân hàm sĩ quan tương ứng với giảm nguồn tuyển sinh đào tạo sĩ quan trong những năm tới; mặt khác, số sĩ quan được nâng tuổi phục vụ tại ngũ sẽ có chất lượng công tác tốt hơn so với số sĩ quan mới tốt nghiệp ra trường do có kinh nghiệm và chuyên môn sâu (nhất là số sĩ quan là kỹ sư, bác sĩ...).

3. Về khoản 3 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 15 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam - Cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ của sĩ quan)

a) Khoản 1: Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể số lượng cấp bậc quân hàm Trung tướng, Thiếu tướng; nghiên cứu tiêu chí cơ bản của các vị trí có quân hàm Trung tướng, Thiếu tướng ngay trong Luật để làm căn cứ cho Chính phủ quy định chi tiết, bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện. Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị rà soát vị trí sĩ quan biệt phái có trần quân hàm cấp tướng cho phù hợp với quy định tổng số sĩ quan cấp tướng tại ngũ trong QĐND không quá 415.

Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau:

- Về đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể số lượng cấp bậc quân hàm Trung tướng, Thiếu tướng: Thực hiện ý kiến kết luận của Bộ Chính trị về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam (Văn bản số 10809-CV/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng), trong đó: Luật sửa đổi, bổ sung không quy định những vấn đề cụ thể về tổ chức bộ máy và quân hàm cấp Trung tướng trở xuống trong lực lượng vũ trang mà giao Chính phủ và Bộ Quốc phòng quy định cụ thể để bảo đảm tính linh hoạt (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân xây dựng trước khi có kết luận của Bộ Chính trị). Hiện nay, Bộ Quốc phòng đã dự thảo nghị định của Chính phủ, trong đó quy định cụ thể số lượng và từng vị trí có cấp bậc quân hàm Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân và Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân bảo đảm chặt chẽ, minh bạch, đúng kết luận của Bộ Chính trị.

- Về nghiên cứu tiêu chí cơ bản của các vị trí có quân hàm Trung tướng, Thiếu tướng ngay trong Luật: Dự thảo Luật không quy định tiêu chí cơ bản là do tiêu chuẩn cụ thể để bổ nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ trong Quân đội tương ứng với cấp bậc quân hàm hiện đã được quy định tại các văn bản của Đảng như: Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị quy định khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 214-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị quy định khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương,

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Quy định số 842-QĐ/QUTW ngày 06/8/2018 của Quân ủy Trung ương quy định tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ trong QĐND Việt Nam; trên cơ sở các quy định của Đảng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành thông tư quy định tiêu chuẩn chức vụ cán bộ của các cơ quan, đơn vị trong toàn quân. Vì vậy, dự thảo Luật không quy định tiêu chí cơ bản của các vị trí có quân hàm Trung tướng, Thiếu tướng.

- Về đề nghị rà soát vị trí sĩ quan biệt phái có trần quân hàm cấp tướng: Bộ Quốc phòng đã rà soát bảo đảm tổng số sĩ quan cấp tướng tại ngũ trong QĐND không quá 415 theo quy định của Bộ Chính trị tại Thông báo số 185-TB/TW ngày 28/10/2014.

b) Khoản 2: Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị thay thế cụm từ “phê chuẩn” bằng từ “bầu” vì chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban QP&AN là do Quốc hội bầu cho phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Quốc hội.

Tiếp thu ý kiến của Cơ quan chủ trì thẩm tra, Chính phủ chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến chỉnh lý cụm từ “phê chuẩn” bằng từ “bầu” đối với chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban QP&AN tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam); cụ thể như sau:

“Sĩ quan Quân đội nhân dân biệt phái được phê chuẩn giữ chức vụ Ủy viên Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội hoặc được bổ nhiệm chức vụ Tổng cục trưởng hoặc tương đương có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thiếu tướng; sĩ quan Quân đội nhân dân biệt phái được phê chuẩn giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội hoặc được bổ nhiệm chức vụ Thứ trưởng hoặc tương đương có cấp bậc quân hàm cao nhất là Trung tướng; sĩ quan Quân đội nhân dân biệt phái được bầu giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thượng tướng”.

c) Khoản 3: Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị làm rõ quy định “Sĩ quan QĐND biệt phái có chức vụ cao hơn quy định tại khoản 2 Điều này và trường hợp đặc biệt được phong, thăng quân hàm cấp tướng do cấp có thẩm quyền quyết định” để bảo đảm thuận lợi, khả thi trong tổ chức thực hiện.

Chính phủ xin báo cáo như sau: Việc quy định tại khoản 3 làm căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét phong, thăng quân hàm cấp tướng đối với các trường hợp chưa được quy định tại khoản 2.

d) Khoản 4: Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị giải trình rõ quy định “cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tướng của đơn vị thành lập mới, đơn vị được tổ chức lại, bổ sung chức năng, nhiệm vụ...” để có cơ sở tổ chức thực hiện.

Chính phủ xin báo cáo như sau: Do yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội, bảo vệ Tổ quốc nên tổ chức Quân đội thường xuyên có sự điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, trong đó có đơn vị thành lập mới, có

đơn vị giải thể, tổ chức lại... nên quy định như dự thảo Luật để bảo đảm linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương của Đảng về tổ chức QĐND Việt Nam trong tình hình mới và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng, pháp luật của Nhà nước⁷.

4. Về khoản 4 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam - Thăng quân hàm đối với sĩ quan tại ngũ)

Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị rà soát, nghiên cứu, bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về các tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng quân hàm sĩ quan vượt bậc, làm căn cứ để Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể; nghiên cứu, bổ sung quy định thăng cấp bậc hàm trước thời hạn không quá 12 tháng vào dự thảo Luật này; đối với trường hợp không đủ 03 năm công tác do Chủ tịch nước quyết định, đề nghị bổ sung thời gian công tác tối thiểu còn lại để bảo đảm chặt chẽ và thống nhất trong triển khai thực hiện.

Chính phủ tiếp thu và làm rõ như sau:

- Về đề nghị rà soát, nghiên cứu, bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về các tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng quân hàm sĩ quan vượt bậc: Khoản 4 Điều 17 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam hiện hành quy định: “Sĩ quan tại ngũ lập thành tích đặc biệt xuất sắc thì được xét thăng quân hàm vượt bậc, nhưng không vượt quá cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh sĩ quan đang đảm nhiệm”, đây đã là quy định khung mang tính nguyên tắc làm căn cứ để Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể, phù hợp với thành tích đặc biệt xuất sắc đã được quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản có liên quan.

- Về đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định thăng cấp bậc hàm trước thời hạn không quá 12 tháng: Tiếp thu ý kiến của Cơ quan chủ trì thẩm tra, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể tại văn bản quy định chi tiết khoản 5 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam).

- Về đề nghị bổ sung thời gian công tác tối thiểu còn lại đối với trường hợp không đủ 03 năm công tác để Chủ tịch nước quyết định bảo đảm chặt chẽ và thống nhất trong triển khai thực hiện. Chính phủ báo cáo, làm rõ như sau: Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Quân đội, khi có trường hợp không đủ 03 năm công tác, nhưng theo yêu cầu nhiệm vụ, Quân ủy Trung ương sẽ xem xét báo cáo theo quy trình đến Chủ tịch nước quyết định; đồng thời, quy định như dự

⁷ Như: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng (từ Đại hội VIII đến Đại hội XII) về xây dựng QĐND cách mạng, chính quy tinh nhuệ, từng bước hiện đại; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 22/12/2008 của Bộ Chính trị về tổ chức QĐND Việt Nam đến năm 2015; Kết luận số 16-KL/TW ngày 07/7/2017 của Bộ Chính trị về tổ chức QĐND Việt Nam đến năm 2021; Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức QĐND Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo.

thảo Luật là để thống nhất với Luật Công an nhân dân. Vì vậy, Chính phủ đề nghị được giữ như dự thảo Luật.

5. Về khoản 5 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam - Thăng quân hàm, nâng lương sĩ quan trước thời hạn)

Ủy ban TVQH và Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị quy định thống nhất về thẩm quyền với Luật Công an nhân dân (thẩm quyền quy định tiêu chí, tiêu chuẩn xét thăng cấp bậc hàm cấp tướng trước thời hạn và thẩm quyền quyết định việc thăng cấp bậc hàm trước thời hạn, thăng cấp bậc hàm vượt bậc).

Chính phủ tiếp thu và làm rõ như sau:

- *Về thẩm quyền quy định tiêu chí, tiêu chuẩn xét thăng cấp bậc hàm cấp tướng trước thời hạn:* Tiếp thu ý kiến của Ủy ban TVQH và Cơ quan chủ trì thẩm tra, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến chỉnh lý khoản 5 Điều 1 (nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam) như sau: “*Chính phủ quy định tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp tướng trước thời hạn. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp tá, cấp úy và nâng lương sĩ quan trước thời hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này*”.

- *Về thẩm quyền quyết định việc thăng cấp bậc hàm trước thời hạn, thăng cấp bậc hàm vượt bậc:* Về vấn đề này, Chính phủ làm rõ như sau: Điểm a khoản 1 Điều 25 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam hiện hành quy định: Chủ tịch nước phong, **thăng**, giáng, tước quân hàm cấp tướng, Chuẩn Đô đốc, Phó Đô đốc, Đô đốc Hải quân và điểm c khoản 1 Điều 25 quy định: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phong, **thăng**, giáng, tước các cấp bậc quân hàm còn lại và nâng lương sĩ quan. Như vậy, việc thăng quân hàm cấp tướng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước, trong đó bao gồm thăng cấp bậc hàm trước thời hạn, thăng cấp bậc hàm vượt bậc; việc thăng các cấp bậc hàm cấp tá, cấp úy thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

6. Về khoản 12 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 46 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam - Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Quốc phòng)

a) *Ủy ban TVQH đề nghị rà soát các quy định về chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài đối với QĐND Việt Nam, các chính sách đặc thù cho sĩ quan như nhà ở, đất ở, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe sĩ quan tại ngũ, chính sách đối với thân nhân sĩ quan... bảo đảm thống nhất với Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Quy hoạch, Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Khám, chữa bệnh và pháp luật khác liên quan.*

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban TVQH, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo tiến hành rà soát các quy định về chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài đối với QĐND Việt Nam, các chính sách đặc thù cho sĩ quan như nhà ở, đất ở, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe sĩ quan tại ngũ, chính sách đối với thân nhân sĩ quan và dự kiến chỉnh lý, bổ sung nội dung tại các khoản 5, 12, 13 Điều 1 dự thảo Luật,

bảo đảm phù hợp với các pháp luật có liên quan.

Về chính sách nhà ở cho sĩ quan, Chính phủ làm rõ như sau: Ngày 24/5/2024, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 34-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới; trong đó yêu cầu “*Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù về nhà ở xã hội cho công nhân và lực lượng vũ trang nhân dân*”; tuy nhiên, Luật Nhà ở được ban hành từ năm 2023, trong đó Điều 102 quy định Bộ Quốc phòng cung cấp nhu cầu về nhà ở của đối tượng thuộc phạm vi quản lý gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổng hợp nên không chủ động được trong xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện; việc điều chỉnh quy hoạch, chương trình, kế hoạch theo quy định của Luật Nhà ở năm 2023 mất nhiều công đoạn trong khi nguồn lực có hạn. Mặt khác, đất quốc phòng không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích quốc phòng chuyển giao cho địa phương (khoản 21 Điều 79 Luật Đất đai) để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào kế hoạch phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang theo kế hoạch dẫn đến phụ thuộc vào kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương; nhu cầu nhà ở của sĩ quan Quân đội là rất lớn (khoảng 70.000 đồng chí) và trải dài trên khắp 63 tỉnh, thành phố nên việc triển khai thực hiện chính sách về nhà ở cho sĩ quan Quân đội gặp nhiều khó khăn.

Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023 giao UBND cấp tỉnh lập kế hoạch phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang theo đề nghị của Bộ Quốc phòng và có trách nhiệm phải bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; tuy nhiên, Luật chưa quy định việc bố trí quỹ đất và thu hồi đất để giao cho Bộ Quốc phòng, dẫn đến khó bảo đảm tính khả thi.

Theo quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng có các cơ quan chuyên môn về đầu tư, xây dựng, quản lý doanh nghiệp và các doanh nghiệp quốc phòng có chức năng, ngành nghề xây dựng công trình, đủ năng lực để quản lý và triển khai thực hiện các dự án nhà ở. Vì vậy, dự thảo Luật quy định trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp *bố trí quỹ đất theo quy định của Luật Nhà ở và bàn giao Bộ Quốc phòng làm cơ quan chủ quản, quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn chủ đầu tư để triển khai thực hiện phát triển nhà ở xã hội cho Quân đội phù hợp với nhu cầu của Bộ Quốc phòng sẽ góp phần làm giảm khó khăn, áp lực cho chính quyền địa phương; đồng thời phù hợp và thống nhất với quy định về trách nhiệm quản lý nhà ở của Bộ Quốc phòng tại khoản 3 Điều 190 Luật Nhà ở năm 2023.*

Việc quy định như dự thảo Luật, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng, bảo đảm sự chủ động trong xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đáp ứng nhu cầu cấp bách về nhà ở của đội ngũ sĩ quan. Đồng thời, ngày 01/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 126/NQ-CP; trong đó, Chính phủ quyết nghị: Thống nhất định hướng phát triển nhà ở xã hội cho Quân đội; đặc biệt là lực lượng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo phù hợp với đặc thù của Quân đội và khả năng của địa phương.

b) Ủy ban TVQH đề nghị không bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 46

Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam quy định về trách nhiệm của Bộ Nội vụ.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban TVQH, Chính phủ tiếp thu, bổ nội dung quy định tại điểm c khoản 12 Điều 1 dự thảo Luật (không bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 46 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam).

c) Điểm a (sửa đổi, bổ sung khoản 1): Ủy ban QP&AN đề nghị chuyển nội dung “ban hành cơ chế, chính sách đặc biệt về điều kiện, môi trường làm việc, lương thưởng, chăm sóc sức khỏe và các chính sách khác để thu hút, trọng dụng nhân tài đối với Quân đội; quy định chế độ, chính sách ưu đãi đặc thù đối với cán bộ Tình báo và người cộng tác với Lực lượng Tình báo thuộc Bộ Quốc phòng” tại khoản 1 Điều 46 sang khoản 3 Điều 45 cho phù hợp.

Chính phủ báo cáo như sau: Điều 45 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam hiện hành quy định nội dung quản lý nhà nước về sĩ quan; điểm a khoản 12 Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi khoản 1 Điều 46 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam hiện hành quy định trách nhiệm của Chính phủ đối với nội dung nêu trên là phù hợp. Chính phủ đề nghị giữ như dự thảo Luật.

d) Điểm b (sửa đổi, bổ sung khoản 2): Ủy ban QP&AN đề nghị cân nhắc quy định: “Bộ Quốc phòng... chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện” để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Nhà ở và Luật Đất đai; đồng thời, báo cáo làm rõ hơn những khó khăn, vướng mắc về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện chính sách về nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân của pháp luật hiện hành.

Về vấn đề trên, Chính phủ đã giải trình làm rõ tại điểm a khoản 6 Mục II Báo cáo này.

đ) Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị bổ sung chế độ, chính sách đối với sĩ quan biệt phái khi kết thúc nhiệm vụ biệt phái được xem xét, bố trí chức vụ tương đương chức vụ biệt phái; được giữ nguyên quyền lợi của chức vụ biệt phái; nghỉ hưu được hưởng chế độ theo cấp bậc, chức vụ biệt phái, bảo đảm chính sách theo chức vụ cao nhất trước khi nghỉ hưu.

Chính phủ làm rõ như sau: Hiện nay, Bộ Quốc phòng có gần 400 sĩ quan biệt phái đang công tác tại 69 cơ quan của Trung ương và các cơ sở giáo dục của bộ, ngành, địa phương⁸; quá trình thực hiện, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong toàn quân phối hợp chặt chẽ với cơ quan sử dụng sĩ quan biệt phái thực hiện điều động, bổ nhiệm, quản lý, nhận xét, đánh giá

⁸ Văn phòng: Trung ương Đảng, Chủ tịch nước, Chính phủ, Quốc hội; các Ban: Tổ chức Trung ương, Tuyên giáo Trung ương; Ủy ban QPAN của Quốc hội; Hội đồng lý luận TW, Ban Chỉ đạo 389, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cơ quan MIA; các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Lao động-Thương binh và Xã hội, Y tế; 19 Trung tâm GDQP&AN; 11 học viện, trường đại học, cao đẳng; 23 Sở GD&ĐT các tỉnh.

và bảo đảm chính sách cho đội ngũ sĩ quan biệt phái theo đúng quy định tại Điều 24, Điều 29 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam. Mặt khác khi kết thúc nhiệm vụ biệt phái, căn cứ vào phẩm chất, năng lực, sức khỏe, quy hoạch và nhu cầu biên chế của đơn vị, sĩ quan biệt phái được xem xét điều động, bổ nhiệm chức vụ phù hợp.

Về chế độ, chính sách đối với sĩ quan biệt phái: Theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, mức lương hưu của người lao động được tính trên mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội. Các chế độ, chính sách khác như thăng quân hàm, nâng lương, bổ nhiệm, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe... được thực hiện như sĩ quan tại ngũ đang công tác trong quân đội và quy định tại nhiều văn bản khác nhau⁹. Điều 10 Nghị định số 165/2003/NĐ-CP quy định trước khi làm nhiệm vụ biệt phái hoặc thôi làm nhiệm vụ biệt phái nếu có phụ cấp chức vụ, được bảo lưu thời gian hưởng phụ cấp theo quy định hiện hành (khoản 3); khi hết thời hạn biệt phái được bố trí về công tác tại cơ quan, đơn vị trước khi đi biệt phái đúng với chuyên môn, nghiệp vụ; trường hợp đặc biệt theo yêu cầu nhiệm vụ, mới bố trí về công tác ở cơ quan, đơn vị khác (khoản 4); Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BQP quy định sĩ quan biệt phái được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo có mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo cao hơn trước khi biệt phái thì được hưởng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo mới; trường hợp chức vụ mới thấp hơn hoặc được điều động đến nơi không có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thì được bảo lưu; khi thôi làm nhiệm vụ biệt phái, chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo thực hiện theo Thông tư số 05/2005/TT-BQP và Điều 4 quy định phụ cấp chức vụ lãnh đạo của sĩ quan biệt phái thực hiện theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 (trong đó, quy định cụ thể hệ số lương, phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội). Quá trình thực hiện các chế độ, chính sách đối với sĩ quan biệt phái nêu trên hiện chưa phát sinh vướng mắc, bất cập.

Chính phủ sẽ chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu, rà soát và đề xuất sửa đổi toàn diện Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam vào thời điểm thích hợp.

7. Về khoản 13 Điều 1 (Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 47 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam - Trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp)

a) Ủy ban QP&AN đề nghị chỉnh lý lại khoản 5 thành: “Bố trí quỹ đất, bàn giao cho Bộ Quốc phòng hoặc thống nhất với Bộ Quốc phòng về đất quốc phòng chuyển về địa phương phát triển kinh tế - xã hội để xây dựng nhà ở xã hội cho Quân đội theo quy định của Luật Nhà ở”.

⁹ Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban TVQH về việc phê chuẩn bảng lương chức vụ, bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước; bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành tòa án, ngành kiểm sát; Nghị định số 165/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ về biệt phái sĩ quan QĐND Việt Nam; Thông tư liên tịch số: 65/2004/TTLT-BQP-BNV ngày 13/5/2004 của BQP, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ về biệt phái sĩ quan QĐND Việt Nam; Thông tư số 05/2005/TT-BQP ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng BQP hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương đối với quân nhân; công nhân viên chức quốc phòng hưởng lương hoặc sinh hoạt phí từ nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước; Thông tư số 09/2015/TT-BQP ngày 04/3/2015 của Bộ trưởng BQP hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo và bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan biệt phái.

Về nội dung trên, Chính phủ đã giải trình tại điểm a khoản 6 Mục II Báo cáo này và dự kiến tiếp thu, chỉnh lý khoản 13 Điều 1 dự thảo Luật thành: “*Bố trí quỹ đất theo quy định của Luật Nhà ở và bàn giao cho Bộ Quốc phòng làm cơ quan chủ quản, quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn chủ đầu tư để triển khai thực hiện phát triển nhà ở xã hội cho Quân đội phù hợp với nhu cầu của Bộ Quốc phòng*”. Đồng thời, đã chỉ đạo Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan rà soát kỹ Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Đầu tư và các luật liên quan trong quá trình tiếp thu ý kiến các đại biểu Quốc hội để nghiên cứu, thống nhất quy định về nội dung này, bảo đảm không chồng chéo, mâu thuẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện.

b) Cơ quan chủ trì thẩm tra đề nghị rà soát Khoản này cho thống nhất với Luật Nhà ở, Luật Đất đai và đánh giá rõ nhu cầu, quy mô, nguồn lực tài chính cho thực hiện nhiệm vụ này.

Tiếp thu ý kiến của Cơ quan chủ trì thẩm tra, Chính phủ chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo tiến hành rà soát để thống nhất với quy định của Luật Nhà ở, Luật Đất đai. Đối với nhu cầu, quy mô, nguồn lực tài chính để thực hiện chính sách phát triển nhà ở xã hội cho lực lượng vũ trang đã được Bộ Quốc phòng đánh giá khi tham gia xây dựng nội dung Mục 4 (Phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân) Chương VI Luật Nhà ở.

Trên đây là báo cáo của Chính phủ về dự kiến tiếp thu, giải trình ý kiến của Ủy ban TVQH, ý kiến của Cơ quan thẩm tra đối với dự án Luật, kính trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg, các PTTgCP (để b/c);
- Các Bộ: Công an, Tư pháp, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: Bộ trưởng, Chủ nhiệm; các Vụ: PL, NC, QHĐP;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (35);
- Ủy ban QP&AN của Quốc hội (35);
- Bộ Quốc phòng (30);
- Lưu: VT, PL(2)₄₀

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**



Đại tướng Phan Văn Giang